

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày: 01-12-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Bà Nguyễn Thị Thủy

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 135/2020/TLST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn ĐL, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Bị đơn: Bà Vũ Thị B, sinh năm 1971; Ông Vũ Văn C, sinh năm 1966; Cùng cư trú: Thôn 10, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2020, Bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A có nội dung như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 01 tháng 4 năm 2019 (dương lịch) bà Nguyễn Thị A có cho vợ chồng ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị B vay số tiền là 100.000.000

đồng . Khi vay giữa hai bên có lập một giấy biên nhận vay tiền viết tay nhưng chỉ có bà B ký tên vào phần người vay, thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 03%/01 tháng và không có thể chấp tài sản gì, thời hạn vay là 01 tháng, chậm nhất là đến ngày 01 tháng 5 năm 2019, ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị B phải có nghĩa vụ trả hết số tiền gốc và lãi suất cho bà A. Nhưng từ đó đến nay, đã hết thời hạn trả nợ từ lâu nhưng vợ chồng ông C, bà B không trả được cho bà A số tiền gốc và lãi suất nào.

Nay bà Vũ Thị A làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước giải quyết buộc vợ chồng ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị B có nghĩa vụ trả số tiền gốc vay là 100.000.000 đồng và lãi suất của số tiền gốc nêu trên theo mức lãi suất 0,83%/01 tháng, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 (dương lịch) cho đến khi xét xử xong vụ án.

Bị đơn bà Vũ Thị B, ông Vũ Văn C vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A. Buộc bà Vũ Thị B, ông Vũ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền là gốc là 100.000.000 đồng và đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án:

Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn bà Nguyễn Thị A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn bà Vũ Thị B và ông Vũ Văn C có địa chỉ cư trú tại: Thôn 10, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản

3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn là bà Vũ Thị B, ông Vũ Văn C vắng mặt, mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà B, ông C nhưng bà B, ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Việc bà B, ông C vắng mặt là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, căn cứ tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là vợ chồng bà Vũ Thị B và ông Vũ Văn C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc vay 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù tại phiên tòa vắng mặt vợ chồng bà B, ông C nhưng căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền lập ngày 01 tháng 4 năm 2019 do bà Vũ Thị B ký tên ở phần người vay thì việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các Điều 385, 401, 463 của Bộ luật dân sự và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Mục đích bà B, ông C vay tiền nhằm trả nợ tiền mua phân bón cho cây tiêu phục vụ cho gia đình. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà Vũ Thị B, ông Vũ Văn C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc như đã thỏa thuận mặc dù bà Nguyễn Thị A đã đi đòi nhiều lần nhưng bà B, ông C vẫn không trả. Cho nên, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Vũ Thị B, ông Vũ Văn C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Trong quá trình khởi kiện và thu thập chứng cứ, bà Nguyễn Thị A cho rằng, mặc dù trong giấy biên nhận vay tiền lập ngày 01 tháng 4 năm 2019 không thể hiện lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận miệng với nhau là 03%/tháng. Quá trình làm việc tại Tòa án, bà A chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà B, ông C phải trả tiền lãi cho bà theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà A xin rút không yêu cầu tính tiền lãi mà chỉ yêu cầu bà B, ông C trả lại số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà A nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B, ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; 227; 228; 217 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

2. Tuyên xử:

Buộc bà Vũ Thị B và ông Vũ Văn C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị A số gốc đã vay là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ một phần về yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị A

3. Án phí DSST: Bà Vũ Thị B và ông Vũ Văn C phải nộp 5.000.000 đồng

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị A đã nộp theo biên lai thu số 0007544; Quyền số 0151, ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh